

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2023
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* **Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

* **Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Lành

2. Ông Trần Xuân Viện

* **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ
Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

* **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** Ông
Đình Văn Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 224/
TLST-HNGĐ ngày 14/4/2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số 58/2023/QĐXX- ST ngày 04/7/2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** **Chị Lương Thị Kim T, sinh năm 1978.** Có mặt

HKTT: Tổ 12, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên.

Tạm trú: Tổ pha, phường LS, thành phố SC, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:** **Anh Trịnh Việt H, sinh năm 1980.** Vắng mặt lần hai

Nơi cư trú: Tổ 12, phường T, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai và tại phiên tòa chị Lương Thị Kim T trình bày: Chị và anh Trịnh Việt H kết hôn năm 2001 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và tổ chức cưới hỏi theo nghi thức truyền thống của dân tộc. Thời gian đầu vợ chồng sinh sống hòa thuận, đến năm 2020 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H không quan tâm chăm lo gia đình, cũng không đưa tiền cho chị nuôi con, hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã, không hòa hợp trong tính cách, chính vì vậy chị và con trai út đã về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại tổ pha, phường LS, thành phố SC, anh chị đã ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: có hai con chung là Trịnh Việt H1, sinh ngày 22/5/2002 và Trịnh Lương T1, sinh ngày 30/8/2013. Quan điểm của chị T là đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trịnh Lương T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện chăm sóc con: chị T khai hiện đang làm việc tại Chi nhánh may Sông Công 4 thuộc Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG với mức lương cơ bản là 6.279.000 đồng/ tháng, chị đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ nên có thời gian và nơi cư trú ổn định để chăm sóc, nuôi dạy con. Còn con chung Trịnh Việt H1 đã kết hôn có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Trịnh Việt H trong biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2023 trình bày: Anh và chị Lương Thị Kim T kết hôn năm 2001 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Trung Thành, thành phố Thái Nguyên. Trong cuộc sống hàng ngày hai vợ chồng có lúc nảy sinh mâu thuẫn nhưng chưa đủ lớn để dẫn đến việc chị T có đơn ly hôn. Hiện anh chị không còn chung sống với nhau do chị T đã bỏ nhà đi từ tháng 4/2023. Anh chị có hai con chung là Trịnh Việt H1, sinh ngày 22/5/2002 và Trịnh Lương T1, sinh ngày 30/8/2013. Về yêu cầu khởi kiện của chị T, anh H không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi con Trịnh Lương T1 vì hiện cháu T1 đang theo học trường THCS Trung Thành.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của chị T, anh H đồng thời cho hai bên hòa giải nhưng không thành do anh H vắng mặt. Vì vậy, vụ án phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị T giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh H. Về con chung, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Lương T1 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi và không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Trịnh Việt H1 đã trên 18 tuổi có gia đình riêng nên không đề nghị giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 BLTTDS; Tuân thủ quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của BLTTDS. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ **theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.**

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị Kim T, cho chị T được ly hôn với anh Trịnh Việt H. Về con chung: Giao cháu Trịnh Lương T1, sinh ngày 30/8/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Con chung Trịnh Việt H1 đã trên 18 tuổi nên không giải quyết. Việc cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do các bên không có yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Buộc chị T nộp án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Bị đơn anh Trịnh Việt H đang cư trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị Kim T và anh Trịnh Việt H là hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hay xảy ra cãi vã. Chị T và anh H đã ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay không còn quan tâm đến nhau. Anh H mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải cũng không đến tham dự các phiên tòa, bản thân chị T vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Chị T và anh H có hai con chung là Trịnh Việt H1, sinh ngày 22/5/2002 và Trịnh Lương T1, sinh ngày 30/8/2013. Chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc con chung là Trịnh Lương T1. Về điều kiện nuôi con, chị T hiện đang làm việc tại Chi nhánh may Sông Công 4 thuộc Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG với mức lương cơ bản là 6.279.000 đồng/ tháng, chị đang sinh sống cùng bố mẹ đẻ nên có nơi cư trú ổn định đủ điều kiện chăm sóc con. Anh H khai bản thân có đủ điều kiện để chăm lo cho con vì từ nhỏ cháu T1 vẫn được anh đưa đón đi học. Tuy nhiên, anh H không cung cấp các chứng từ chứng minh thu nhập và điều kiện chăm sóc con cũng như không đến tham gia hòa giải, xét xử. Tại bản khai ngày 06/6/2023 của cháu Trịnh Lương T1 trình bày có nguyện vọng ở với mẹ vì mẹ có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T có công việc ổn định có thời gian chăm sóc con chung, anh H không chứng minh thu nhập và điều kiện chăm sóc con, bên cạnh đó nguyện vọng của cháu T1 cũng mong muốn ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho cháu T1, giao con chung Trịnh Lương T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do chị T không yêu cầu.

Đối với con chung Trịnh Việt H1, sinh ngày 22/5/2002 đã trên 18 tuổi và có gia đình riêng nên không giải quyết.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. *Về án phí:* Chị Lương Thị Kim T phải nộp án dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lương Thị Kim T. Cho Chị Lương Thị Kim T được ly hôn với Anh Trịnh Việt H.

2. **Về con chung:** Giao con chung Trịnh Lương T1, sinh ngày 30/8/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do các bên không có yêu cầu. Anh H được quyền đi lại thăm nom con chung.

3. **Về tài sản chung, công nợ chung:** Không có. Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

4. **Án phí:** Chị Lương Thị Kim T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000848 ngày 14/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. **Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi ND, BD cư trú;
- Các ĐS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

